



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

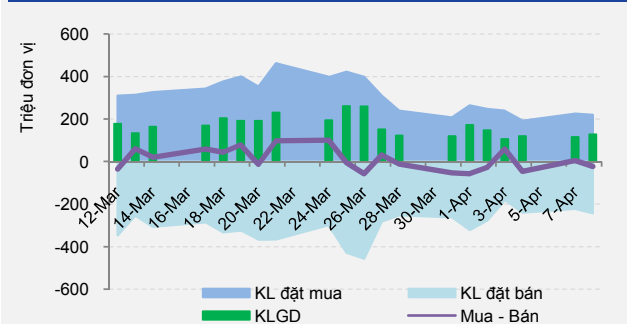
Phiên giao dịch ngày:

8/4/2014

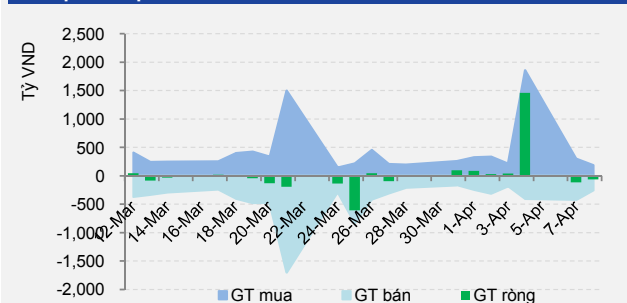
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	603.3	87.8
% Thay đổi	↑ 0.4%	↑ 0.6%
KLGD (CP)	127,466,174	73,813,503
GTGD (tỷ đồng)	2,462.59	896.82
Tổng cung (CP)	241,239,280	124,222,500
Tổng cầu (CP)	219,263,640	103,835,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	6,197,120	1,693,800
KL mua (CP)	5,372,830	893,730
GTmua (tỷ đồng)	187.44	15.37
GT bán (tỷ đồng)	251.23	34.15
GT ròng (tỷ đồng)	(63.80)	(18.78)

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Nhà đầu tư	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.23%	10.0	2.3	4.7%
Công nghiệp	↑ 0.24%	-	1.4	12.4%
Dầu khí	↑ 0.72%	7.9	2.1	4.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.31%	13.7	1.9	2.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.63%	11.8	3.4	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.08%	13.4	5.1	10.2%
Ngân hàng	↓ -0.17%	15.6	1.4	10.8%
Nguyên vật liệu	↓ -0.12%	13.3	2.3	14.1%
Tài chính	↓ -0.43%	15.0	2.5	35.7%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 2.94%	12.8	4.7	4.5%
VN - Index	↑ 0.45%	15.0	3.3	73.3%
HNX - Index	↑ 0.57%	20.3	1.7	26.7%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	976,720	0.8%	668,590	0.5%
GTGD (tỷ VND)	35,981	1.5%	32,142	1.3%

TIẾP PHIÊN TĂNG ĐIỂM TỪ NGƯỠNG HỖ TRỢ - TÂM ĐIỂM NHÓM CỔ PHIẾU CHỨNG KHOÁN

Nhận định: Sau diễn biến giằng co đầu phiên tại ngưỡng cân tâm lý 600 điểm, chỉ số VN-Index tiếp tục phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp nhờ đà tăng của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (GAS, MSN, FPT). Chỉ số HNX-Index cũng tiếp tục diễn biến phục hồi kỹ thuật, phản ứng với mốc hỗ trợ 85 điểm. Nhóm cổ phiếu chứng khoán duy trì diễn biến tích cực với kỳ vọng KQKD Q1 khả quan. Đà tăng giá của nhóm cổ phiếu chứng khoán - cổ phiếu vẫn mang tính dẫn dắt dòng tiền - giúp độ rộng thị trường tiếp tục tích cực.

Chỉ số VN-Index dự báo tiếp tục được hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Ngưỡng cân kỹ thuật của VN-Index là khoảng +/- 610 điểm, tương đương mức đỉnh cao nhất đã thiết lập trong ngày 24/3/2014. Vượt qua ngưỡng cân 610 điểm, mục tiêu tiếp theo của VN-Index là +/- 630 điểm. Ngưỡng cân kỹ thuật của HNX-Index là khoảng 89-90 điểm, tương đương đường MA 12 ngày. Sự phân hóa cổ phiếu dự báo diễn ra rõ nét hơn, dựa trên kỳ vọng KQKD Quý 1.2014 và thông tin hỗ trợ mùa ĐHCĐ.

Nhà đầu tư DUY TRÌ TRANG THÁI DANH MỤC. Việc gia tăng tỷ trọng đối với mục tiêu ngắn hạn có thể được xem xét khi chỉ số Index vượt qua vùng kháng cự đi kèm với thanh khoản tích cực.

- Chỉ số VN-Index tăng 2.68 điểm (0.45%), lên 603.25 điểm, mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất trong phiên là 598.52 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.51 điểm (0.58%), lên 87.82 điểm. Mức cao nhất trong phiên là 88.17 điểm.

- Hôm nay Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI phối hợp với UBKT của Quốc hội và Ngân hàng Thế giới tổ chức Diễn đàn phát triển doanh nghiệp và chất lượng tăng trưởng. Theo Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam 2013 do VCCI cung cấp, quy mô doanh nghiệp Việt Nam đang có xu hướng giảm cả về tiêu chí sử dụng lao động cũng như quy mô vốn.

- Về tiêu chí sử dụng lao động, năm 2012, có 99,16% doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp ngoài nhà nước, tăng so với 98,97% của năm 2011. Về quy mô nguồn vốn, đã có sự thay đổi xu hướng trong năm 2012. Nếu giai đoạn 2007 - 2011 quy mô vốn bình quân của DNNN tăng từ 616 tỷ đồng, lên 1.584 tỷ đồng, doanh nghiệp ngoài nhà nước từ 12 tỷ đồng, lên 25 tỷ đồng, thì năm 2012, quy mô vốn của DNNN giảm xuống còn 1.171 tỷ đồng, từ 1.584 tỷ đồng trong năm 2011; quy mô vốn bình quân của doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm từ 25 tỷ đồng trong năm 2011 xuống 24 tỷ đồng trong năm 2012. Tính từ năm 2002, đây là lần đầu tiên quy mô vốn bình quân của doanh nghiệp giảm trong vòng 10 năm trở lại đây, khi tình trạng thua lỗ làm giảm vốn chủ. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn của đa số doanh nghiệp nhỏ.

- Ngân hàng Thế giới vừa công bố Báo cáo cập nhật kinh tế vùng Đông Á và Thái Bình Dương. Theo đó WB dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng với tốc độ khiêm tốn vào khoảng 5,5% trong năm 2014. Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2014 có cải thiện hơn trong năm 2013, tuy nhiên tỷ lệ tăng trưởng kinh tế vẫn ở dưới mức tiềm năng. Nguyên nhân do Việt Nam vẫn phải giải quyết các vấn đề về cơ cấu trong các doanh nghiệp nhà nước và trong lĩnh vực ngân hàng, và do những méo mó về mặt chính sách tiếp tục gây cản trở đầu tư tư nhân trong nước và cạnh tranh trong các ngành quan trọng.



VN-INDEX



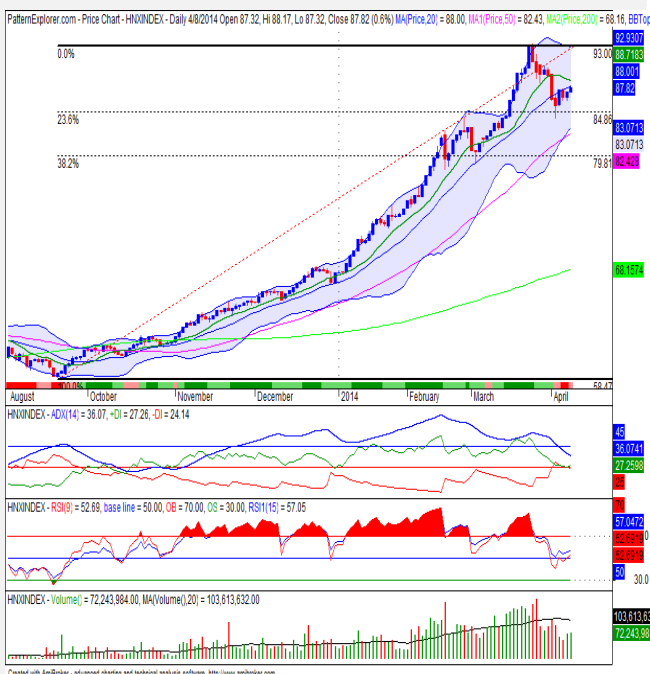
Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 2.68 điểm (0.45%), lên 603.25 điểm, mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất trong phiên là 598.52 điểm.

- KLGD tương đương phiên giao dịch trước, đạt 109 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 61 điểm, tâm lý nhà đầu tư có cải thiện. MACD 9 tiếp tục thu hẹp khoảng cách phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Sau diễn biến giảm co đầu phiên tại ngưỡng cản tâm lý 600 điểm, chỉ số VN-Index tiếp tục phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp nhờ đà tăng của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (GAS, MSN, FPT). Nhóm cổ phiếu chứng khoán duy trì diễn biến tích cực với kỳ vọng KQKD Q1 khả quan. Đà tăng giá của nhóm cổ phiếu chứng khoán - cổ phiếu vẫn mang tính dẫn dắt dòng tiền - giúp độ rộng thị trường tiếp tục tích cực.

Chỉ số VN-Index dự báo tiếp tục được hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Ngưỡng cản kỹ thuật của VN-Index là khoảng +/-610 điểm, tương đương mức đỉnh cao nhất đã thiết lập trong ngày 24/3/2014. Vượt qua ngưỡng cản 610 điểm, mục tiêu tiếp theo của VN-Index là +/-630 điểm. Sự phân hóa cổ phiếu dự báo diễn ra rõ nét hơn, dựa trên kỳ vọng thông tin hỗ trợ mùa ĐHCĐ.

Nhà đầu tư DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC. Quyết định mua mới cổ phiếu đã tăng nóng trong thời điểm hiện tại là rủi ro với quan điểm ngắn hạn, khi diễn biến tăng giá của chỉ số chung chịu ảnh hưởng bởi một nhóm nhỏ cổ phiếu vốn hóa.

HNX-INDEX

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.51 điểm (0.58%), lên 87.82 điểm. Mức cao nhất trong phiên là 88.17 điểm.

- KLGD tương đương phiên giao dịch trước, đạt 72 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 56 điểm, tâm lý nhà đầu tư có cải thiện nhưng vẫn thận trọng. MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh giảm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục diễn biến phục hồi kỹ thuật, phản ứng với mốc hỗ trợ 85 điểm. Đà tăng giá của nhóm cổ phiếu chứng khoán - cổ phiếu vẫn mang tính dẫn dắt dòng tiền - giúp độ rộng thị trường khá tích cực, dù mức độ tăng của đa số cổ phiếu không nhiều.

Chỉ số HNX-Index phục hồi khá khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật cho tín hiệu về lực cầu bắt đáy. Ngưỡng cản kỹ thuật của HNX-Index là khoảng 89-90 điểm, tương đương đường MA 12 ngày.

Diễn biến phục hồi không đi kèm với cải thiện thanh khoản chưa cho tín hiệu đủ tích cực về kỹ thuật. Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm sau thời gian tăng nóng. Mốc hỗ trợ gần nhất của HNX-Index là +/-85 điểm.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

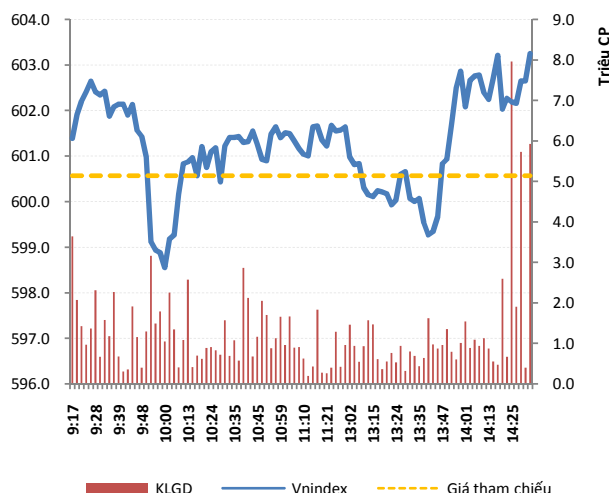
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 02/04/2014



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

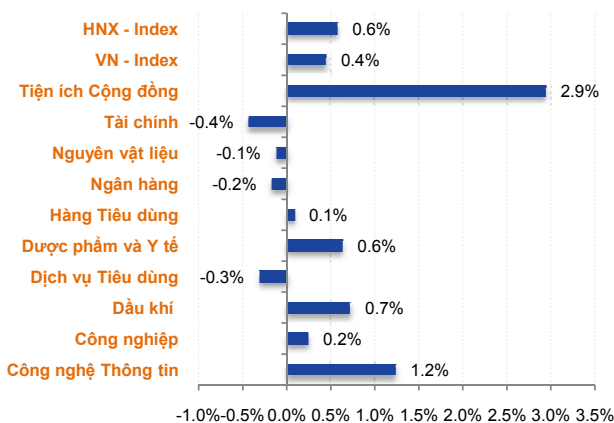
KLGD và VN-Index trong phiên



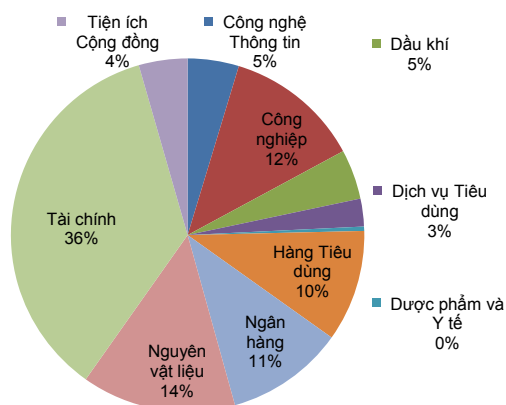
KLGD và HNX-Index trong phiên



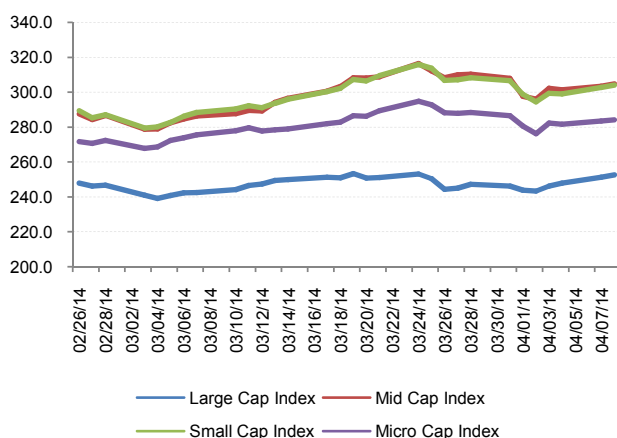
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



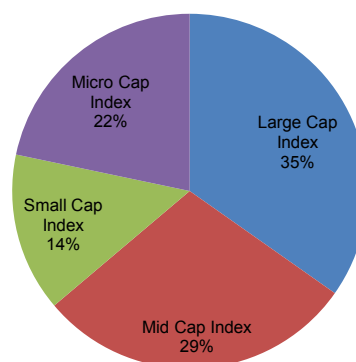
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	426,790	DPM	1,512,220
2	DIG	234,970	VIC	746,820
3	KDC	227,690	HAG	436,940
4	PVT	220,320	VSH	429,500
5	ITA	212,370	VCB	130,040

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	70,800	PVS	578,800
2	NBC	70,300	KHL	279,800
3	IVS	38,000	SHS	110,700
4	BVS	34,200	PGS	84,500
5	SHB	29,800	IDJ	44,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
CTG	16.7	16.7	→	0.00%	11,941,908
ITA	10.2	10.2	→	0.00%	8,863,620
FLC	15.9	15.4	↓	-3.14%	7,832,460
GTT	7.2	7.7	↑	6.94%	6,496,370
SSI	29.4	29.9	↑	1.70%	5,235,540

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHS	10.1	11.1	↑	9.90%	8,411,560
PVX	6.4	6.4	→	0.00%	7,057,767
SHB	10.9	10.9	→	0.00%	6,548,800
SCR	10.8	11.1	↑	2.78%	6,042,025
KLS	14.6	15.1	↑	3.42%	5,841,560

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VOS	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
GTT	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%
SHI	6.1	6.5	0.4	↑ 6.56%
HDG	27.3	29.0	1.7	↑ 6.23%
KSH	8.1	8.6	0.5	↑ 6.17%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJ1	16.8	18.5	1.7	↑ 10.12%
PVA	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
VTL	14.0	15.4	1.4	↑ 10.00%
LBE	13.0	14.3	1.3	↑ 10.00%
SHS	10.1	11.1	1.0	↑ 9.90%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
STG	30.0	27.9	-2.1	↓ -7.00%
NAV	7.2	6.7	-0.5	↓ -6.94%
TIX	21.6	20.1	-1.5	↓ -6.94%
TMS	33.1	30.8	-2.3	↓ -6.95%
VSI	9.0	8.4	-0.6	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCV	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
V21	8.0	7.2	-0.8	↓ -10.00%
IDV	27.7	25.0	-2.7	↓ -9.75%
PRC	15.7	14.2	-1.5	↓ -9.55%
KMT	7.5	6.8	-0.7	↓ -9.33%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	11,941,908	13.2%	1,818	9.2	1.1
ITA	8,863,620	1.3%	140	72.8	0.9
FLC	7,832,460	8.1%	1,122	13.7	1.2
GTT	6,496,370	0.2%	16	476.5	0.7
SSI	5,235,540	8.0%	1,193	25.1	2.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	8,411,560	1.5%	116	95.4	1.4
PVX	7,057,767	0.0%	(4,057)	-	2.4
SHB	6,548,800	8.6%	958	11.4	0.9
SCR	6,042,025	0.4%	53	209.4	0.7
KLS	5,841,560	5.5%	716	21.1	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VOS	↑ 7.0%	0.0%	(1,403)	-	0.5
GTT	↑ 6.9%	0.2%	16	476.5	0.7
SHI	↑ 6.6%	1.1%	152	42.7	0.5
HDG	↑ 6.2%	17.5%	2,205	13.2	2.2
KSH	↑ 6.2%	1.7%	162	53.2	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SJ1	↑ 10.1%	8.3%	2,046	95.4	0.9
PVA	↑ 10.0%	0.0%	(1,297)	-	1.6
VTL	↑ 10.0%	0.7%	76	203.3	1.4
LBE	↑ 10.0%	10.2%	1,822	7.8	0.8
SHS	↑ 9.9%	1.5%	116	95.4	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	426,790	13.9%	1,518	10.9	2.0
DIG	234,970	2.3%	381	48.1	1.1
KDC	227,690	11.1%	2,990	20.6	2.1
PVT	220,320	8.9%	1,029	15.7	1.3
ITA	212,370	1.3%	140	72.8	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	70,800	9.1%	1,123	14.2	1.2
NBC	70,300	26.5%	2,885	5.3	1.4
IVS	38,000	0.7%	72	145.2	1.0
BVS	34,200	7.3%	1,188	15.2	1.1
SHB	29,800	8.6%	958	11.4	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	175,288	40.6%	6,484	14.3	5.3
VNM	122,520	39.6%	7,839	18.8	7.0
VCB	72,999	10.4%	1,881	16.8	1.7
MSN	70,551	3.2%	642	149.6	4.9
VIC	64,522	54.2%	7,405	9.6	4.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,481	6.6%	889	18.9	1.2
PVS	13,535	21.6%	3,707	8.2	1.6
SHB	9,658	8.6%	958	11.4	0.9
SQC	8,602	0.0%	(249)	-	6.5
VCG	7,023	9.1%	1,123	14.2	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.12	0.6%	62	72.4	0.5
HT1	2.40	0.1%	13	946.4	1.2
HBC	2.29	3.0%	596	36.1	1.1
CDC	2.27	0.8%	142	66.2	0.6
CLG	2.24	13.1%	1,282	8.6	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VCV	4.79	0.0%	(4,637)	-	2.7
GGG	4.70	0.0%	(7,049)	-	-
HPC	3.43	5.5%	385	17.9	1.0
SJM	3.41	0.0%	(5,702)	-	0.6
VDS	3.28	0.7%	44	132.0	0.9



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)